

Sơ lược về tác phẩm Bát thức quy củ tụng

ISSN: 2734-9195 16:02 28/07/2023

Bát thức quy củ là những câu kệ tụng nói về hành tướng sinh hoạt và sự liên hệ của tám thức đối với cảnh, lượng, tính, giới, địa. Sau khi cùng các đệ tử toát yếu bộ thành duy thức luận, ngài Huyền Trang trên nền tảng bộ luận này tạo ra bát thức quy củ để xiển dương giáo nghĩa duy thức...

Thích Nguyên Sĩ Tăng Sinh khóa XV, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp.HCM
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 7/2023

1. Tác giả và tác phẩm

1.1. Về tác giả

Huyền Trang (602-664) tên tục Trần Huy (Trần Vĩ hoặc Trần Y 陳 義) sinh năm 602, có thuyết nói là năm 600 (niên hiệu Khai Hoàng thứ 20, đời Tùy), tại Lạc Châu (洛州), huyện Câu Thi (鞏 縣), tỉnh Hà Nam, trong một gia đình có truyền thống quan, năm 13 tuổi xuất gia, và thọ giới cụ túc năm 21 tuổi. Ngài tu học kinh sách Đại thừa với nhiều giảng sư khác nhau, và thấy có nhiều chỗ giảng giải mâu thuẫn. Đây là lý do chính thức đẩy ngài lên đường đi Thiên Trúc để tự mình tìm hiểu. Ngài là một trong bốn dịch giả lớn nhất, chuyên dịch kinh từ Phạn ngữ ra tiếng Hán. Ngài cũng là người sáng lập ra Pháp tướng tông.

Mặc dù bị hoàng đế ra lệnh cấm đi du hành qua Ấn Độ, năm 629 ngài liều mình ra đi để hành hương chiêm bái quê hương đức Phật, hi vọng sẽ tìm kiếm và nghiên cứu kinh điển mà hồi đó Trung Quốc chưa biết tới. Tập ký sự du hành của ngài có tên là Đại đường tây vực ký để lại cho hậu thế một nguồn tài liệu vô song về địa lý, xã hội và tập quán của miền Trung Á và Ấn Độ trong thế kỷ thứ 7. Nhiều miêu tả của ngài về các vùng đất đó đã đạt tới độ chính xác mà trong thế kỷ 19, 20, nhiều nhà du khảo phương Tây như Ariel Stein đã tham khảo tập ký sự đó như một tập sách hướng dẫn nhằm tìm lại và xác định những vị trí đã được tìm ra và rồi bị lãng quên trong nhiều thế kỷ.

Sau khi trở về cố quốc, một phần nhờ trình độ uyên bác xuất chúng, một phần nhờ tiếng tăm vang dội mà ngài đã gặt hái được tại Ấn Độ và các nước Trung Á, một phần nhờ hoàng đế Trung Quốc đặc biệt hỗ trợ, như xây cất chùa chiền cho ngài trú ngụ cũng như thành lập một ban dịch thuật do chính nhà vua chọn lọc để giúp cho ngài hoàn thành công tác phiên dịch của hơn 600 kinh sách mang về Trung Quốc. Huyền Trang đã trở thành tăng sĩ tiếng tăm nhất tại vùng Đông Á trong thế hệ đó. Học viên đến với ngài từ khắp Trung Quốc, kể cả từ Triều Tiên và Nhật Bản, song song có nhiều tăng sĩ từ Ấn Độ và các vương quốc Trung Á đến để bày tỏ lòng hâm mộ.

Ngoài việc truyền bá kinh sách **Phật giáo** và tư tưởng Ấn Độ vào Trung Quốc, ngài cũng gây ảnh hưởng lên nền nghệ thuật và kiến trúc Trung Quốc bằng những vật dụng và thiết kế do tự tay mang về. Có một ngôi chùa được xây theo thiết kế của ngài tại Trường An (ngày nay là Tây An) để chứa đựng kinh sách và các tác phẩm nghệ thuật của ngài mang về. Ngôi chùa đó ngày nay vẫn còn và là một dấu ấn quan trọng của đô thị này.

1.2. Về tác phẩm

Bát thức quy củ tụng [1], tác phẩm cuối đời của ngài Huyền Trang vào năm 664, gồm 4 chương, mỗi chương 12 câu; tổng cộng có 48 câu.

Tác phẩm này giải thích học thuyết duy thức dựa trên 8 thức, tương truyền tác phẩm này do Huyền Trang [2] biên soạn vào thời Đường. Nguyên tác bản này không tìm thấy riêng biệt ở đây, kể cả trên tạng Đại chánh, hầu như chỉ được lưu truyền nhờ các bản chú giải khác.

Tuy nhiên, luận giải về bản tụng này, Phổ Thái [3] lại cho rằng, bản gốc của tụng bản được tìm thấy trong mục Đại chánh, số hiệu (T45 No1865. 467 – 476) với nhan đề Bát thức quy củ bổ chú [4] [5], nhưng được sắp xếp khác hơn. Đối với bản dịch tiếng Anh, bản gốc của tác phẩm này, được giáo sư Ronald Epstein dịch sang Anh ngữ, có thể được tìm thấy trên mạng điện toán quốc tế.

Về vấn đề tác giả, xưa nay vẫn tương truyền do Huyền Trang trước thuật, nhưng giới học thuật cận đại như Lữ Trùng, ông phán định rằng “Người đời sau sở truyền Bát Thức Quy Củ Tụng, văn nghĩa đều có khuyết điểm, suy ra mà biết chẳng không do tự tay Huyền Trang viết.” Phần phụ chú ông còn giải thích đoạn ngắn “Phi lượng, hiện lượng, tỉ lượng gọi là tam lượng, còn xem Luận sư Nan- đà là ngu giả, Huyền Trang có sở học sâu sắc không sơ suất đến như vậy.”

[caption id="attachment_17163" align="alignleft" width="350"]

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc So Thang 7.2023 So Luoc Ve Tac Pham Bat Thuc Quy C
Tranh minh họa nhà sư Huyền Trang - Ảnh: St[/caption]

Xưa kia ngài Thế Thân (Vasubandhu), vì muốn hộ trì Phật Pháp, độ chúng sinh mê lầm nên toát yếu bộ Du-già, và soạn thêm Duy Thức Tam Thập tụng (trimśīkāvijñaptikārikā) vừa làm sáng tỏ sự huyền áo của bộ luận này, và giúp kẻ hậu học dễ dàng nhập đạo, nhưng chưa kịp viết xong thì ngài tịch. Theo Thành Duy Thức luận Thuật Kí 𑖀𑖩𑖪𑖫 𑖬𑖭 của Đại Sư Khuy Cơ 𑖀𑖩 10 vị luận sư đó là:

Đạt-ma-ba-la 𑖀𑖩𑖪𑖫 𑖬𑖭 (Dharmapāla) tức Hộ Pháp 𑖀𑖩 (TL. 530-561) con vua Đạt-la-tì-trà 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Dravida) tại thành Kiến- chí 𑖀𑖩 (Kañcipura), mất vào năm 32 tuổi tại chùa Bồ-đề.

Củ-noa-mạt-đế 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Gunamati) tức Đức Huệ 𑖀𑖩 nguyên là thầy An Huệ. Theo Phật giáo sử Tây Tạng hai thầy trò đều theo học với Đức Quang 𑖀𑖩 (Gunaprabha).

Tất-sĩ-la-mạt-đế 𑖀𑖩𑖪𑖫 𑖬𑖭 tức An Huệ 𑖀𑖩 𑖀𑖩 (Sthiramati, 470-550) người nước La-la (Phật- lạp-tì) thuộc nam Ấn Độ hàng tiên đức của Hộ Pháp. Ngài chú giải rất nhiều tác phẩm của Thế Thân.

Bạn-đồ-thất-lị 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Bamdhusrī) tức Thân Thắng 𑖀𑖩 đồng thời với Thế Thân, sống vào thế kỷ thứ 5, là người đầu tiên viết luận thích. Nan-đà 𑖀𑖩 (Nanda) tức Hoan Hỷ 𑖀𑖩 (450-530) học thuyết truyền được thừa xuống Thắng Quân 𑖀𑖩, có lẽ thuộc hàng tiền bối của Hộ Pháp.

Thú-chiến-đạt-la 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Śuddhacandra) tức Tịnh Nguyệt 𑖀𑖩 đồng thời với An Huệ, sống vào thế kỷ thứ 6.

Chất-đát-ra-bà-noa 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Citrabhāna) tức Hỏa Biện 𑖀𑖩 cũng đồng thời với Thế Thân, sống vào thế kỷ thứ 5.

Tì-thế-sa-mật-đa-la 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Viśśesamitra) tức Thắng Hữu 𑖀𑖩 sống vào thế kỷ thứ 6.

Thần-na-phất-đa-la 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Jinaputra) tức Tối Thắng Tử 𑖀𑖩 sống vào cuối thế kỷ thứ 5.

Nhã-na-chiến-đạt-la 𑖀𑖩𑖪𑖫 (Jñānacandra) tức Trí Nguyệt 𑖀𑖩 sống vào cuối thế kỷ thứ 6.

Tiếp nối giải thích, chú thích giúp cho bộ thư tịch này càng thêm phong phú nghĩa lý. Cho đến khi ngài Huyền Trang Tây du trở về Trung Hoa, dựa theo học thuyết của ngài Hộ Pháp và 10 vị luận sư, tập lại thành một bộ, gọi là, luận Thành Duy Thức (vijñaptimātrasiddhi), bộ Bát Thức Quy Củ tụng, cũng được trước thuật theo giáo thuyết này. Tác phẩm là sách nhập môn để học tập nghiên cứu về duy thức.

Về phần nội dung của sách, trình bày đại khái về học thuyết duy thức, chú trọng nói rõ vấn đề tâm thức là trung tâm học thuyết của duy thức. Bài ở đây đang nói, tức là, kệ tụng chữ Hán. Ba bài tụng đầu nói về 5 thức trước (tiền ngũ thức); bài 4-6 nói về thức thứ 6; bài 7-9 nói về thức thứ 7; ba bài cuối nói về thức thứ 8.

2. Các sơ bản - Chú giải - Việt dịch

Sách này đời nhà Thanh-Minh có rất nhiều bản chú thích, trong đó, các bản được liệt kê dưới đây được xem là nổi tiếng nhất:

Bát thức quy củ bổ chú () Phổ Thái (), 2 quyển, T45. No.1865.

Bát thức quy củ chứng nghĩa () Minh Dục (), 1 quyển, X55. No.890.

Bát thức quy củ lược thuyết () Chánh Hối (), 1 quyển, X55. No.891.

Bát thức quy củ giải () Chân Khả () 1 quyển, X55. No. 892.

Bát thức quy củ thông thuyết () Đức Thanh (), 1 quyển, X55. No.893.

Bát thức quy củ tụng () Toán Thích () Quảng Ích (), 1 quyển, X55. No. 894. Bát thức quy củ trực giải () Trí Húc (), 1 quyển, X55.No.895.

Bát thức quy củ tiên thuyết (); Bát thức quy củ tụng chú () Hư Chu (), 1 quyển. X55. No.896-897.

Bát thức quy củ luận nghĩa () Tánh khởi () giải thích, Thiện Chương () luận văn, 1 quyển, X55 No.898.

Các bản dịch Việt tại Việt Nam có ba bộ tiêu biểu.

Bát thức quy củ: Cự Tâm Minh Lê Đình Thám. Bát thức quy củ: Tỳ Kheo Ni Huyền Huệ.

Bát thức quy củ: Hòa Thượng Thích Thắng Hoan.

3. Tiểu kết

Bát thức quy củ là những câu kệ tụng nói về hành tướng sinh hoạt và sự liên hệ của tám thức đối với cảnh, lượng, tính, giới, địa. Sau khi cùng các đệ tử toát yếu bộ thành duy thức luận, ngài Huyền Trang trên nền tảng bộ luận này tạo ra bát thức quy củ để xiển dương giáo nghĩa duy thức và chứng minh rằng, chỉ tồn tại bởi thức. Mọi sự vật, hiện tượng tất cả chỉ tồn tại duy chỉ là thức, hay chính xác hơn chỉ là dữ liệu thông tin của thức.

Sự thông tin được thực hiện bằng: chủ thể nắm bắt (grāhaka: năng thủ) và đối tượng được nắm bắt (grāhya: sở thủ, đối tượng). Cho nên, cái mà ta thấy biết không phải thực tại như thực, mà chỉ là ảnh tượng tái cấu trúc do chính tự tâm nhìn thấy, hay nói cách khác, sự thể được biểu hiện nơi tự tâm, đó là pháp xuất thế gian và pháp thế gian được ghi nhận trong hệ thống nhận thức của mỗi con người. Khi được ghi nhận trong hệ thống nhận thức chúng chỉ là những ảnh tượng (ābhāsa) của các sự vật, các thông tin về sự vật (vijñapti), không phải chính bản thân của sự vật.

Thích Nguyên Sĩ Tăng Sinh khóa XV, Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TP.HCM
Tạp chí Nghiên cứu Phật học **Số tháng 7/2023** ***

TÀI LIỆU THAM KHẢO: 1. Taishō Shinshū Daizōkyō 大正藏經 2. 法苑珠林, 卷一百一十五, 法苑珠林, 1980. 3. Thành Duy Thức luận, Tuệ Sỹ dịch, Nhà xuất bản Phương Đông; 2016. 4. Mạng điện toán toàn cầu.

CHÚ THÍCH: (1) 法苑珠林, 卷一百一十五. T51no2087. (2) Nguyên tác “Verses Delineating the Eight Consciousnesses” by Tripitaka Master Hsuan-Tsang of the Tang Dynasty Translation and Explanation by Ronald Epstein. (3) 法苑珠林, 卷一百一十五, 法苑珠林, 1980; p.6. (4) 法苑珠林, Ibid, p.9. (5) 法苑珠林, 卷一百一十五, T43no1830, p.231c7-232a6. (6) 法苑珠林, Skt:Valabhī. Một nước xưa thuộc miền Nam Ấn Độ, theo phỏng đoán có lẽ thuộc bán đảo Kāthiāwār ngày nay. Căn cứ theo chỉ dẫn Đại đường tây vực kí (法苑珠林, T51n2087_p.936b16) biên tập bởi Huyền Trang, nước này chu vi hơn 6 nghìn dặm, kinh đô khoảng 30 dặm. (7) 法苑珠林 T31no1585, Hộ Pháp và các Bồ-tát tạo, Huyền Trang dịch, 10 quyển.